

Đương Số: Xemtuong - Dương Nam
 Cung mệnh: Giáp Thân - Thai Nguyên: Kỷ Tỵ
 Thân Vượng: Kim 34/50
 Dụng Thần: Hỏa Thủy

Trụ Năm 1980 Kiếp CANH THÂN Tuyệt L.Quan Canh Mậu Nhâm Kiếp Ấn Thương Tuyệt T.Sinh Bệnh	Trụ Tháng 02 Ấn T.Sinh MẬU DẦN T.Sinh Giáp Bính Mậu Tài Quan Ấn L.Quan T.Sinh T.Sinh	Trụ Ngày 18 Thân Tỵ Thai TÂN DẬU L.Quan Tân Tỵ Thai	Trụ Giờ 14:01 T.Tài Đ.Vượng ẤT MÙI Dương Kỷ Ất Đinh Kiều T.Tài Sát Tử Đ.Vượng Tử
Đế Vượng Giáp Lộc Kinh Dương Vong Thần	Thai Thiên Ất QN Dịch Mã Thái Cực	Lâm Quan Tọa Lộc Á.Đương Lệnh Tướng Tinh Tử Phé Đào Hoa Cừu Quý PH.	Suy Hồng Loan Quả Tú
Đại Vận 0 (0 - 4 tuổi) Ấn T.Sinh MẬU DẦN T.Sinh Giáp Bính Mậu Tài Quan Ấn L.Quan T.Sinh T.Sinh	Đại Vận 1 (5 - 14 tuổi) Kiều Bệnh KỶ MÃO Ất T.Tài L.Quan	Đại Vận 2 (15 - 24 tuổi) Kiếp Dương CANH THÌN Mậu Ất Quý Ấn T.Tài Thực Q.Đới Q.Đới Dương	Đại Vận 3 (25 - 34 tuổi) Tỵ Tử TÂN TỶ Bính Mậu Canh Quan Ấn Kiếp L.Quan L.Quan T.Sinh
Đại Vận 4 (35 - 44 tuổi) Thương Thai NHÂM NGỌ Đinh Kỷ Sát Kiều L.Quan L.Quan	Đại Vận 5 (45 - 54 tuổi) Thực Mộ QUÝ MÙI Kỷ Ất Đinh Kiều T.Tài Sát Q.Đới Dương Q.Đới	Đại Vận 6 (55 - 64 tuổi) Tài Tuyệt ⚡ GIÁP THÂN Canh Mậu Nhâm Kiếp Ấn Thương L.Quan Bệnh T.Sinh	Đại Vận 7 (65 - 74 tuổi) T.Tài Tuyệt ẤT DẬU Tân Tỵ L.Quan
Đại Vận 8 (75 - 84 tuổi) Quan Mộ BÍNH TUẤT Mậu Đinh Tân Ấn Sát Tỵ Mộ Dương Q.Đới	Đại Vận 9 (85 - 94 tuổi) Sát Thai ĐINH HỢI Giáp Nhâm Tài Thương T.Sinh L.Quan	Đại Vận 10 (95 - 104 tuổi) Ấn Thai MẬU TÝ Quý Thực L.Quan	Đại Vận 11 (105 - 114 tuổi) Kiều Mộ KỶ SỬU Kỷ Tân Quý Kiều Tỵ Thực Mộ Dương Q.Đới

Kiếp 1980 1 tuổi CANH THÂN L.Quan	Tỵ 1981 2 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Thương 1982 3 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	Thực 1983 4 tuổi QUÝ HỢI Đ.Vượng	Tài 1984 5 tuổi GIÁP TÝ M.Đục
T.Tài 1985 6 tuổi ẤT SỬU Suy	⚡ Quan 1986 7 tuổi BÍNH DẦN T.Sinh	⚡ Sát 1987 8 tuổi ĐINH MÃO Bệnh	Ấn 1988 9 tuổi MẬU THÌN Q.Đới	Kiều 1989 10 tuổi KỶ TỶ Đ.Vượng
Kiếp 1990 11 tuổi CANH NGỌ M.Đục	Tỵ 1991 12 tuổi TÂN MÙI Suy	Thương 1992 13 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Thực 1993 14 tuổi QUÝ DẬU Bệnh	Tài 1994 15 tuổi GIÁP TUẤT Dương
T.Tài 1995 16 tuổi ẤT HỢI Tử	Quan 1996 17 tuổi BÍNH TỶ Thai	Sát 1997 18 tuổi ĐINH SỬU Mộ	Ấn 1998 19 tuổi MẬU DẦN T.Sinh	Kiều 1999 20 tuổi KỶ MÃO Bệnh
Kiếp 2000 21 tuổi CANH THÌN Dương	Tỵ 2001 22 tuổi TÂN TỶ Tử	Thương 2002 23 tuổi NHÂM NGỌ Thai	Thực 2003 24 tuổi QUÝ MÙI Mộ	⚡ Tài 2004 25 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt
T.Tài 2005 26 tuổi ẤT DẬU Tuyệt	Quan 2006 27 tuổi BÍNH TUẤT Mộ	Sát 2007 28 tuổi ĐINH HỢI Thai	Ấn 2008 29 tuổi MẬU TÝ Thai	Kiều 2009 30 tuổi KỶ SỬU Mộ
Kiếp 2010 31 tuổi CANH DẦN Tuyệt	Tỵ 2011 32 tuổi TÂN MÃO Tuyệt	Thương 2012 33 tuổi NHÂM THÌN Mộ	Thực 2013 34 tuổi QUÝ TỶ Thai	Tài 2014 35 tuổi GIÁP NGỌ Tử
T.Tài 2015 36 tuổi ẤT MÙI Dương	Quan 2016 37 tuổi BÍNH THÂN Bệnh	Sát 2017 38 tuổi ĐINH DẬU T.Sinh	Ấn 2018 39 tuổi MẬU TUẤT Mộ	Kiều 2019 40 tuổi KỶ HỢI Thai
Kiếp 2020 41 tuổi CANH TÝ Tử	⚡ Tỵ 2021 42 tuổi TÂN SỬU Dương	Thương 2022 43 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Thực 2023 44 tuổi QUÝ MÃO T.Sinh	Tài 2024 45 tuổi GIÁP THÌN Suy
T.Tài 2025 46 tuổi ẤT TỶ M.Đục	Quan 2026 47 tuổi BÍNH NGỌ Đ.Vượng	Sát 2027 48 tuổi ĐINH MÙI Q.Đới	Ấn 2028 49 tuổi MẬU THÂN Bệnh	Kiều 2029 50 tuổi KỶ DẬU T.Sinh
Kiếp 2030 51 tuổi CANH TUẤT Suy	Tỵ 2031 52 tuổi TÂN HỢI M.Đục	Thương 2032 53 tuổi NHÂM TÝ Đ.Vượng	Thực 2033 54 tuổi QUÝ SỬU Q.Đới	Tài 2034 55 tuổi GIÁP DẦN L.Quan

T.Tài	2035	56 tuổi	Quan	2036	57 tuổi	Sát	2037	58 tuổi	Ấn	2038	59 tuổi	Kiều	2039	60 tuổi
ÁT	MÃO	L.Quan	BÍNH	THÌN	Q.Đới	ĐINH	TỶ	Đ.Vượng	MẬU	NGỌ	Đ.Vượng	KỶ	MÙI	Q.Đới

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ năm Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ tháng Dần Mộc không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ ngày Dậu Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ giờ Mùi Thổ được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 7.5/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Dần** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Mậu** sinh tháng **Dần** tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.

Can Ngày **Tân** sinh tháng **Dần** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Át** sinh tháng **Dần** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Kỷ Ty (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: Bính Thìn (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Kỷ Ty và Bính Thìn này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Kỷ Ty** nạp âm là **Mộc**, gặp cung mệnh **Giáp Thân** nạp âm là **Thủy** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Kỷ Ty** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ năm Canh Thân nạp âm là **Mộc** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Kỷ Ty** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ tháng **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Kỷ Ty** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ ngày Tân Dậu nạp âm là **Mộc** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Kỷ Ty** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ giờ **Át Mùi** nạp âm là Kim là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh Thân là Kim Kim bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Mậu Dần** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Tân Dậu là Kim Kim bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Át Mùi** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này hơi xấu, nhưng sương mù che lối, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà tránh được rủi ro.

Điểm 2/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Dậu Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Tân Dậu và Mậu Dần này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Tân Dậu và Ất Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Vượng: Kim 34/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân Kim Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là 34/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 22/36 điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng** Kim. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng

nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Kim thì dụng thần nên là **Hỏa** để khắc bớt Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Hỏa Thủy (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 1)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Hỏa**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bát, dọn rửa, nước chảy, cày khô, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Canh Thân bị **Bính Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Dần**.

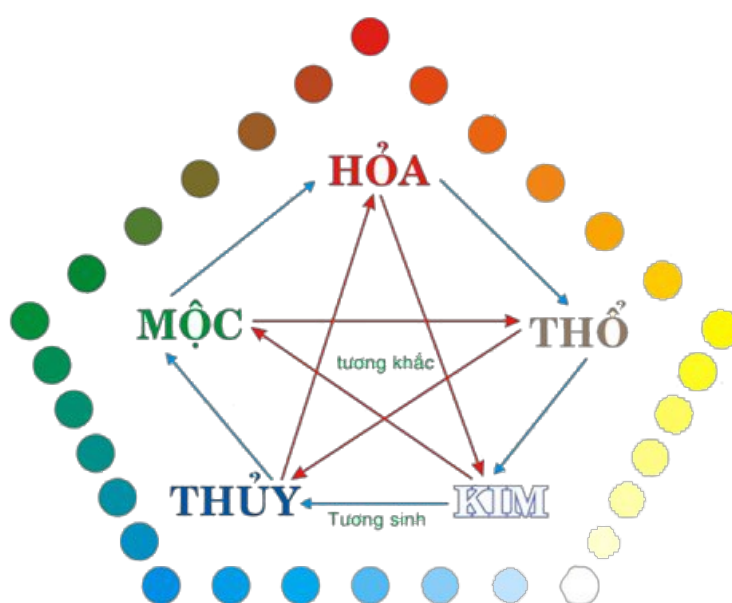
Trụ Tháng Mậu Dần bị **Giáp Thân** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Thân**.

Trụ Ngày Tân Dậu bị **Đinh Mão** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Mão**.

Trụ Giờ Ất Mùi bị **Tân Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Sửu**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Ngũ hành	Độc Dương cực	Hòa chính Dương cực	Âm Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Thủy chính Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Đa Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoè
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Tận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cổ kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cằm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mượt; tay tròn trịa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao. Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

Quý Anh Người Thuộc Kim Vượng

Người mà thuộc Kim vượng là người có vóc dáng không gầy, cũng không béo, mắt sâu, lông mày cao, da trắng và đẹp, tác phong quyết đoán, trọng nghĩa khinh tài, giàu lòng tự trọng. Người mà Kim quá vượng thường là kẻ hữu dũng vô mưu nhưng lại tham lam, bất nhân bất nghĩa. Người mà Kim quá vượng thường dễ mắc các bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản...

Cung Mệnh ở Thân sao Thiên cơ

Quý Anh không nên kết hôn sớm, nữ không thuận với chồng.

Trụ năm của Quý Anh có Kiếp Tài

Trụ năm có kiếp tài (kiếp) là con thứ: thích lý tài trọng nghĩa khí. Nếu trụ khác cũng có kiếp tài thì hôn nhân dễ có biến đổi hoặc anh em cùng cha khác mẹ.

Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Ấn

Trụ tháng có chính ấn (ấn): Thông minh nhân từ, một đời bình an ít bệnh tật. Nếu bốn can không có thiên tài (Tài) thì múa bút thành danh. Trường hợp gặp tháng chi cũng có chính ấn và ngày chi xung thì nhà mẹ trước kia lưu lạc.

Trụ ngày của Quý Anh có Tỷ Kiên

Trụ ngày gặp tỷ kiên (tỉ) thì hôn nhân muộn, hoặc tái hôn, nếu mang dương nhấn thì nữ khắc chồng, nam khắc vợ. Nếu gặp xung thì đi xa không lợi, chết nơi đất khách quê người. Nói chung thì tính người bạn đời thường cố chấp, bảo thủ.

Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ giờ có thiên tài (tài) thì con cái khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, thích biện bác, thích đầu cơ. Nếu năm và tháng không có thiên tài mà ngày giờ có thiên tài lại không gặp hình xung, tỉ, kiếp thì về già phát đạt. Nếu giờ can thiên tài mà giờ chi có tỉ, kiếp thì thương vợ cả tổn vợ bé.

Chi năm và chi tháng xung

Năm chi và tháng chi xung: Không lợi cho mẹ cho nên mẹ có thể bị mất hoặc có thể xa cách. Nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ. Sống ở xa quê nhà.

Ngày sinh của Quý Anh là ngày Tứ Phát

Gặp ngày tứ phát hay là Tứ Phế chủ làm việc khó thành nhưng có đầu có đuôi, khó đạt được như ý nguyện.

Ngày sinh của Quý Anh là ngày Cửu quý phòng hại

Gặp ngày cửu quý phòng hại vợ chồng dễ bất hòa, nữ thì sinh nở thường khó khăn.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỳ không vong hình xung khắc phá.

Tứ Trụ của Quý Anh có Chuyên lộc

Chuyên lộc: ngày trụ có giáp dần, ất mão, canh thân, tân dậu. Sao quan ở thiên can không bị hình xung khắc phá tất sẽ hiển đạt. Quý lộc thích gặp tài vận.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ tháng của Quý Anh có Thiên át quý nhân với Kiếp Sát

Thiên át quý nhân Với Kiếp sát cùng trụ thì mưu lược uy nghiêm.

Trụ năm có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ tháng có Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhấn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Tứ Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

Trụ tháng có Dịch mã và Ngày chủ mệnh

Ngày chủ mệnh: Tứ trụ gặp dịch mã làm về ngành giao thông.

Trụ tháng có Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ

Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ: có mưu lược có uy danh.

Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhãn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Trụ năm có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi năm có sông đê, chủ về phá hoại những cái tổ tiên để lại hoặc có khuynh hướng lấy oán báo đức.

Tứ Trụ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông đê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông đê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ năm có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Năm có Sông đê: Xuất thân nghèo hèn, hoặc có tính lấy oán báo ân.

Cô thần Quả Tú (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điều thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dờn chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua, ần, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163)

Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối.

Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ.

Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng.

Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa.

Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Tứ phế (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 164)

Phế là giam nhốt mãi. Mệnh có tứ phế thì mọi việc không thành, có đầu không có đuôi. Tứ phế chủ về thân yếu, nhiều bệnh, không có năng lực, nếu không gặp sinh, phù trợ mà còn bị khắc hại, hung sát áp chế thì chủ về thương tật tàn phế, kiện tụng cửa quan, thậm chí bị giam, hoặc người theo tăng đạo. Cho nên trong tứ trụ, cho dù là năm, tháng, ngày giờ gặp phải đều không tốt, đặc biệt là nhật nguyên (hành can trụ ngày) thì càng không tốt.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỷ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đơ. Mã là kỵ, nhiều nhất là bồn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỷ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý Dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu

ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộ lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Kinh dương / Dương nhấn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gặp phải Kinh dương là hung nhiều cát ít. Lộ quá mức thì sinh kinh dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vậy. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kinh dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kinh dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kinh dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kinh dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm gặp chính ấn

Trụ năm Quý Anh gặp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

Trong Tứ trụ Quý Anh thiên tài gặp vượng địa là cha trường thọ.

Ấn gặp trường sinh thì mẹ hiền, trường thọ, nếu phùng sinh thì mẹ thông minh hiền quý.

Chính ấn gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Trụ năm có tỷ kiếp, kinh dương là khắc cha, khắc vợ.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỷ kiếp khắc cha.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trong Tứ trụ Quý Anh tài nhiều làm tổn thương ấn

Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương ấn thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Ấn bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho ấn bị chết.

Tứ trụ Quý Anh có Tỉ kiếp trùng trùng thì nhất định khắc cha.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, quan, ấn là ba đời giàu sang.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài

Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quý (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.

Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lia bỏ quê hương.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Trụ năm gặp kinh dương là người phá tổ nghiệp.

Ấn thụ bị thương tổn thì khó giữ được tài sản của ông cha.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đối rách.

Can năm đóng ở tử tuyệt, mộ hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

Âm dương xô lệch nhau là giao thiệp bạn bè ít.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Anh Em Huynh Dê

Tỉ kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Ngang vai Quý Anh gặp lộc là anh em có địa vị cao, gia đình hưng vượng.

Quý Anh Thân vượng và có ấn là anh chị em nhiều.

Trụ tháng Quý Anh gặp trường sinh để vượng là anh chị em rất đông.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trụ ngày Quý Anh vượng, tỉ kiếp nhiều là anh em bất hoà hoặc gia đình chia lìa.

Trong Tứ trụ Quý Anh có tỉ kiếp, kinh dương là anh em bất hoà, thường hay cãi nhau.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi Canh Thân hợp với Nữ tuổi Tân Tuất - Ất Sửu - Mậu Thìn về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Quý Anh có Nhật đóng ở đào hoa là vợ chồng đều đẹp, phong lưu, tài nghệ.

Quý Anh có Can chi của ngày giống nhau là hao tổn tài, không lợi cho vợ chồng.

Quý Anh gặp Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ví dụ : bính tí, kỉ sửu, mậu dần, tân Mão, nhâm thìn, quý tị, bính ngọ, đinh mùi, mậu thân, tân Dậu, nhâm Tuất, quý Hợi.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Anh gặp kinh dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kinh dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kinh dương tất sẽ tái giá.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Chi ngày Quý Anh là tí ngọ Mão Dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Anh lấy vợ làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Anh có Hàm trì lâm nhật là nhờ vợ mà giàu.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Quý Anh có Tài tinh được ngôi là nhờ vợ mà giàu.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh có Tài rõ thân vượng là vợ đẹp.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kiếp tài, kinh dương là khắc cha, làm tổn thương vợ, hoa tán của cải.

Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Anh Gặp cả kinh dương và kiếp tài thì phải lấy vợ lần nữa.

Quý Anh có Thiên tài trên trụ giờ gặp tỉ kiếp là vừa phá tổ nghiệp vừa làm tổn thương vợ.

Quý Anh có Tỉ kiếp, nguyệt kiến vượng là tuổi trẻ đã chết vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Anh có tài tàng ẩn

Quý Anh có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Trụ giờ Quý Anh có thiên tài, các cung khác kị không có, như thế mới quý.

Trong trụ Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân Sửu, người tị, dậu, Sửu gặp ất Mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mao, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thể tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp của.

Quý Anh có Thương quan sinh tài thì sẽ tự nhiên giàu có.

Quý Anh có Thiên tài và thiên lộc, là của tự nhiên không lao động mà có, là được hưởng phúc sẵn có.

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Quý Anh có Mã chạy vào đất tài là phát tài nhanh như mãnh hổ.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Trụ tháng Quý Anh gặp ấn thụ là người giàu sang, vinh hiển.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Anh có Ấn nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Trên trụ giờ Quý Anh có thiên tài thì sợ anh em, đến đại vận và lưu niên có Kiếp Tài thì sẽ bị phá tài và tranh tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài ẩn

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Quý Anh Tỉ, kiếp nhiều nếu đến đại vận lưu niên mà gặp tỉ kiếp là năm đó phá tài, ra cửa quan (bị ra tòa).

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Quan Ấn Quý Anh ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui tới cung điện.

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh Ấn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh (Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Năm Quý Anh có Chính Ấn, tháng có Chính Quan, nhậm chức giáo dục.

Quý Anh có Thương Quan đới Ấn, nhậm chức chỉnh đốn kỷ cương trong triều.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Anh có Tài Quan Ẩn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Trụ năm Quý Anh có Ẩn thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập ấm lập công danh.

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng trùng, tất có tranh đoạt, phải tranh mới thắng.

Ẩn Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thương Quan đới Ẩn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh có Tỷ Kiên gặp Lộc, anh em danh cao.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Sát Ẩn tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Sát Ẩn tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ẩn, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ẩn tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Anh Thân vượng Thiên Tài vượng, không bị Không phá, mạng cự phú.

Quý Anh Thân vượng Thiên Tài vượng, có Không phá, nhà kinh doanh nhỏ, hoặc nhà kinh doanh giỏi giao tế.

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ẩn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy ất mộc làm vợ, ất mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở

vượng địa, là lộc của đình hòa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Can Quý Anh giờ vượng là sinh con trai.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai châu miệng có dải tai to.

Người sinh vào các giờ thìn, tuất, sửu, mùi thì lúc sinh ra nằm sấp.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khác nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Giờ sinh Quý Anh ở thìn, tuất, sửu mùi phần nhiều là con nuôi.

Quý Anh Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngược dưới như bị thương, thờ ơ, miệng khô khát.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

Nhật chủ cao cường, bình sinh ít bệnh.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đình..., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điếm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt

Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1
------	-----	-----	---	---	---	---	----	-----	-----	---	---	-----

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiên Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương	Dưỡng		Thương	Dưỡng		Thân	Tỷ	Suy	T.Tài	Dưỡng	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÂN	Dưỡng	KY	MUI	Q.Đới	QUY	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Ất	Quý	Kỷ	Ất	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tý	Sát	Kiêu		Thực	
Dưỡng	Q.Đới	Mô	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy		Mô	

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền binh"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ...

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương. Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, ... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ.

Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyền, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thẳng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ đục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chằm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

